

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận danh sách sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí học kỳ 2, năm học 2024 – 2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 18/3/2025 của Hội đồng xét hồ sơ miễn giảm học phí cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

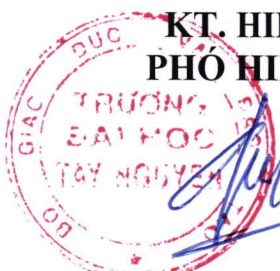
Điều 1. Công nhận danh sách 384 sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí học kỳ 2, năm học 2024 – 2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Thanh tra pháp chế, Trưởng các Khoa và sinh viên có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đ/vị: Quản lý chất lượng;
Phòng TT&TVTS (để đăng lên website Trường);
- Lưu: VT, KHTC (L.7b); CTSV (NA.2b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS NGUYỄN VĂN NAM



DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024 - 2025
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 458 /QĐ-ĐHTN ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	KHOA	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	ĐỐI TƯỢNG	% MIỄN GIẢM
1	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K21A	21402079	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/01/2003	Kinh	Con người bị TNLD	50
2	Y Dược	Y khoa K21A	21307069	Đặng Đồng Đô	02/03/2003	Kinh	Con người bị TNLD	50
3	Y Dược	Y Khoa K22C	22307182	Phạm Phương Trân	22/02/2004	Kinh	Con người bị TNLD	50
4	Y Dược	Y khoa K23A	23307029	Nguyễn Khánh Dương	01/01/2005	Kinh	Con người bị TNLD	50
5	Chăn nuôi Thú y	Chăn nuôi-Thú y K23	23304011	Y Agê Niê	19/05/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
6	Chăn nuôi Thú y	Thú y K20A	20305003	Y An	23/01/2002	Xêđăng	DTTS, vùng ĐBKK	70
7	Chăn nuôi Thú y	Thú y K20B	20305134	Hoàng Thị Viên	05/06/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
8	Chăn nuôi Thú y	Thú y K20B	20305230	Lâm Minh Quân	21/04/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
9	Chăn nuôi Thú y	Thú y K21A	21305093	Lê Thị Diễm My	03/12/2003	Kinh	DTTS, vùng ĐBKK	70
10	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22A	22305140	Lê Hoàng Bảo Anh	12/12/2003	Thô	DTTS, vùng ĐBKK	70
11	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22A	22305152	H Dung Mdrang	26/12/2003	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
12	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22B	22305082	Hoàng Văn Sang	02/11/2004	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
13	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22B	22305083	Hà Thanh Sáng	12/06/2002	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
14	Chăn nuôi Thú y	Thú y K23A	23305043	Đặng Thị Huế	10/11/2004	Dao	DTTS, vùng ĐBKK	70
15	Chăn nuôi Thú y	Thú y K23B	23305096	Nông Ích Sơn	08/03/2004	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
16	Chăn nuôi Thú y	Thú y K23B	23305110	Lý Trung Thực	02/12/2005	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
17	Chăn nuôi Thú y	Thú y K23B	23305134	Nay H' Uêng	15/08/2005	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
18	Kinh tế	Kế toán K2024	24403051	H Mai Hmok	02/02/2006	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
19	Kinh tế	Kế toán K2024	24403127	Dương Thị Kim Tiến	04/01/2006	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
20	Kinh tế	Kế toán K2024	24403133	K' Trân	27/01/2006	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
21	Kinh tế	Kế toán K2024	24403163	Trần Thị Hoài Sơn	29/12/2005	Sán Diu	DTTS, vùng ĐBKK	70
22	Kinh tế	Kế toán K21B	21403180	Vi Thị Ánh	05/05/2003	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
23	Kinh tế	Kế toán K22	22403053	H' Kiều Liêng	24/09/2003	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
24	Kinh tế	Kế toán K23	23403013	H' Na Yong Byă	01/07/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
25	Kinh tế	Kế toán K23	23403067	Phương Thị Thúy Nga	03/08/2004	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
26	Kinh tế	Kế toán K23	23403147	H Tâm Ndu	03/03/2005	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
27	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K21	21412022	Dương Thị Huế	04/04/2003	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
28	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K21	21412084	Lộc Thị Kinh	13/06/2003	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
29	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K21	21412146	H' Thìn	07/01/2003	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
30	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K23	23412005	H' Brông	08/08/2005	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
31	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K23	23412012	Vũ Ngọc Hoàng Hà	01/06/2005	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70

32	Kinh tế	Kinh tế K2024A	24410059	Hoàng Thị Mai	20/04/2004	Nùng	DTTS, vùng ĐBK	70
33	Kinh tế	Kinh tế K2024B	24410128	R' Com Nha Trang	09/06/2005	Gia rai	DTTS, vùng ĐBK	70
34	Kinh tế	Kinh tế K20B	20410134	K Văn Nhân	21/10/2002	Cơ ho	DTTS, vùng ĐBK	70
35	Kinh tế	Kinh tế K21A	21410146	Cao Mầu Hùng Nha	13/10/2003	Ra glai	DTTS, vùng ĐBK	70
36	Kinh tế	Kinh tế K21B	21410012	H'vân Đăk Căt	27/03/2003	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
37	Kinh tế	Kinh tế K21B	21410162	Bđáp H' Sương Eban	24/11/2003	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
38	Kinh tế	Kinh tế K22A	22410031	H' Lina	23/03/2001	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
39	Kinh tế	Kinh tế K22A	22410101	Vi Thị Duyên	24/04/2004	Nùng	DTTS, vùng ĐBK	70
40	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401014	Y- Klen H-Mốk	13/12/2006	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
41	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401020	H' Bìn - Kuan	22/07/2005	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
42	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401038	K' Sim	09/08/2006	Mạ	DTTS, vùng ĐBK	70
43	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401048	Lý Thị Kim Anh	14/10/2005	Dao	DTTS, vùng ĐBK	70
44	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401052	H Mao Bkrông	06/01/2000	Êđê	DTTS, vùng ĐBK	70
45	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401077	Tơ Thị Yến Nhi	08/01/2006	Sán Dìu	DTTS, vùng ĐBK	70
46	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401079	Y - Nan Niê	07/03/2004	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
47	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401080	Y Long Ân Niê	12/01/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBK	70
48	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K21	21401044	H' Đồng	02/06/2003	Mạ	DTTS, vùng ĐBK	70
49	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K21	21401053	Ai Bìn	01/04/2003	Vân kiêu	DTTS, vùng ĐBK	70
50	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K22	22401013	H Ngoanh Arul	13/07/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBK	70
51	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K23	23401009	Nay Sút Nhay Kdoh	21/11/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBK	70
52	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K23	23401013	H' Len Niê	12/10/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBK	70
53	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024B	24402122	Nông Thị Thu Thảo	04/06/2006	Tày	DTTS, vùng ĐBK	70
54	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K21B	21402192	H' Tuyết	23/04/2003	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
55	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K21B	21402239	H' Phúc Ja	16/05/2002	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
56	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K22A	22402069	Lê Thị Nga	26/10/2004	Tày	DTTS, vùng ĐBK	70
57	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K22B	22402121	H Sen Trei	01/03/2004	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
58	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K2024	24406036	Vi Thị Lý	06/01/2006	Nùng	DTTS, vùng ĐBK	70
59	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K2024	24406038	Y Tú Miô	18/03/2006	Êđê	DTTS, vùng ĐBK	70
60	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K2024	24406042	Hà Thị Hồng Ngọc	02/10/2006	Thái	DTTS, vùng ĐBK	70
61	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K21	21406105	Hà Thị Thanh Tâm	24/04/2003	Nùng	DTTS, vùng ĐBK	70
62	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K22	22406024	Phùng Thị Linh Linh	16/11/2004	Mường	DTTS, vùng ĐBK	70
63	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K22	22406057	Đặng Thị Xuyên	01/02/2004	Dao	DTTS, vùng ĐBK	70
64	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K23	23406053	Hà Thu Thủy	06/01/2005	Tày	DTTS, vùng ĐBK	70
65	KHTN&CN	Công nghệ sinh học K2024	24313034	Nguyễn Bình An Niê	23/01/2004	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
66	KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23	23313004	Lương Thúy Hòa	03/12/2005	Nùng	DTTS, vùng ĐBK	70
67	KHTN&CN	Công nghệ sinh học y dược K2024	24314018	Kơ Să K' Mung	17/11/2006	Cơ ho	DTTS, vùng ĐBK	70
68	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K21A	21103006	Quách Xuân Tài Byă	08/10/2003	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70
69	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K21A	21103069	Tô Thị Ánh Nhân	17/08/2003	Tày	DTTS, vùng ĐBK	70
70	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K22	22103007	Ma Thế Chuyên	07/06/2004	Tày	DTTS, vùng ĐBK	70
71	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K22	22103087	K' Hoàng	08/11/2003	M'nông	DTTS, vùng ĐBK	70

72	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103019	Hà Trung Hiếu	12/11/2005	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
73	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103025	Đàm Ngọc Huynh	06/09/2003	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
74	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103041	Hoàng Thị Lan	23/01/2005	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
75	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103052	Y Milô Mlô	03/03/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
76	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103061	Ma A Phúc	15/05/2005	HMông	DTTS, vùng ĐBKK	70
77	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103106	H'-uynh Hlong	15/05/2005	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
78	Lý luận chính trị	Giáo dục chính trị K22	22604006	Anh Thư Kbuôr	25/05/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
79	Lý luận chính trị	Triết học K2024	24608020	Y- Huy Liêng	28/10/2006	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
80	Lý luận chính trị	Triết học K2024	24608032	H' Lê My Niê	12/03/2006	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
81	Lý luận chính trị	Triết học K2024	24608033	Y Thư Hồ Niê	30/12/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
82	Lý luận chính trị	Triết học K2024	24608037	K' Thuyết	18/04/2003	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
83	Lý luận chính trị	Triết học K21	21608020	H Sara Byă	05/12/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
84	Lý luận chính trị	Triết học K22	22608002	Y' Ry Gơn Long Ding	23/05/2002	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
85	Lý luận chính trị	Triết học K24	24608047	Riêu Thị Diệu Hương	04/02/2006	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
86	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302024	Y Huệ	03/10/2006	Gié triêng	DTTS, vùng ĐBKK	70
87	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302029	Hoàng Quốc Hưng	04/03/2006	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
88	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302037	Siu H' Kler	11/01/2003	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
89	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302041	Điêu Mbriêng	01/02/2006	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
90	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302062	Y Tri	19/09/2005	HMông	DTTS, vùng ĐBKK	70
91	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302066	Vi Văn Tuấn	02/09/2006	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
92	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302085	Y Niel Niê	30/08/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
93	Nông lâm	Công nghệ thực phẩm K2024	24411028	Lò Minh Quốc	08/08/2002	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
94	Nông lâm	Khoa học cây trồng K19	19303004	Y' Du Đạt Đak Căt	02/01/2000	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
95	Nông lâm	Khoa học cây trồng K2024	24303001	Ly - Ân	23/02/2006	Xêđăng	DTTS, vùng ĐBKK	70
96	Nông lâm	Lâm sinh K2024	24306006	Rêom Y Doan Mlô	14/05/2006	Mông	DTTS, vùng ĐBKK	70
97	Nông lâm	Lâm sinh K2024	24306012	K' Thiên	10/10/2005	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
98	Nông lâm	Lâm sinh K2024	24306031	Y Viễn	20/04/2006	Gié triêng	DTTS, vùng ĐBKK	70
99	Nông lâm	Lâm sinh K21	21306017	Giàng Văn Sơn	12/06/2001	HMông	DTTS, vùng ĐBKK	70
100	Nông lâm	Lâm sinh K23	23306002	Knul Y Sim Byă	28/10/2003	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
101	Nông lâm	Lâm sinh K23	23306005	A Hùng	07/05/2005	Xêđăng	DTTS, vùng ĐBKK	70
102	Nông lâm	Lâm sinh K23	23306007	Y Thụ Rơ Yam	24/11/2004	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
103	Nông lâm	Quản lý đất đai K20	20404034	Nay H' Nêp	01/01/2001	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
104	Nông lâm	Quản lý đất đai K2024	24404028	Y Li Pan Niê	08/06/2006	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
105	Nông lâm	Quản lý đất đai K23	23404010	Niê - Nguyễn Huy Hoàng	12/12/2005	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
106	Nông lâm	Quản lý đất đai K23	23404025	Y Tân Sruê	15/02/2001	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
107	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K2024A	24702049	Ngọc Thị Thu Hằng	26/06/2006	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
108	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K2024B	24702178	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11/02/2006	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
109	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21A	21702125	H Thảo	28/06/2002	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
110	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21A	21702143	Hứa Thị Quỳnh Trang	28/01/2001	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
111	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21B	21702209	Nguyễn Thị Thu Hoài	03/02/2003	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70

112	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21B	21702256	H Khuất Niê	13/02/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
113	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21B	21702281	Mó Thêm	02/06/2003	Vân kiều	DTTS, vùng ĐBKK	70
114	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22B	22702080	H' Saô Niê	01/06/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
115	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22B	22702133	A Trúc	18/07/2004	Xêđăng	DTTS, vùng ĐBKK	70
116	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702009	H Rut Ayün	05/11/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
117	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702041	Y Hạ	09/01/2005	Giê Triêng	DTTS, vùng ĐBKK	70
118	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702048	H Yu Luyn Hdruê	21/04/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
119	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702077	Bế Ngọc Lân	13/04/2005	Tây	DTTS, vùng ĐBKK	70
120	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702078	Lưu Thị Kim Liên	12/11/2005	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
121	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23B	23702121	H Yuôm Niê	13/02/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
122	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh K21	21701078	H. Nghin Pang Ting	08/09/2002	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
123	Sư phạm	GD tiểu học-Tiếng Jrai K22	22902008	H Tép Si Đùng	30/04/2003	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
124	Sư phạm	Giáo dục mầm non K21	21903057	H' Ngân Mlô	29/04/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
125	Sư phạm	Giáo dục mầm non K21	21903082	Ver	17/01/2003	Xêđăng	DTTS, vùng ĐBKK	70
126	Sư phạm	Giáo dục mầm non K22	22903023	H' Hiền	17/08/2002	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
127	Sư phạm	Giáo dục mầm non K22	22903045	H - Nghiêu	22/03/2004	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
128	Sư phạm	Giáo dục mầm non K22	22903063	H Rina Ông	18/04/2003	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
129	Sư phạm	Giáo dục tiểu học K22	22901031	Thị Ngoanh	23/03/2004	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
130	Sư phạm	Giáo dục tiểu học K22	22901054	H' Tuyết	25/01/2004	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
131	Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn K21	21601129	Hà Đình Lệ Nhi	07/11/2002	Mường	DTTS, vùng ĐBKK	70
132	Sư phạm	Tâm lý học giáo dục K2024	24904025	Siu H' Niên	16/05/2006	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
133	Sư phạm	Văn học K2024	24607025	Thào Thị Liên	20/03/2005	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
134	Sư phạm	Văn học K2024	24607062	Đặng Thị Hòa Hạnh	03/03/2006	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
135	Sư phạm	Văn học K2024	24607063	H' Nhen Dong Jri	11/08/2006	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
136	Sư phạm	Văn học K21	21607032	Long Nay Ly Na Vy	21/08/2003	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
137	Sư phạm	Văn học K23	23607007	H' Bíc	25/10/2005	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
138	Sư phạm	Văn học K23	23607021	H Dum Kman	04/03/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
139	Sư phạm	Văn học K23	23607072	Lò Thị Hiền Lương	05/12/2005	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
140	Sư phạm	Văn học K23	23607082	H' Thủy	22/12/2005	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
141	Y Dược	Điều dưỡng K20	20309037	H Sa Tor	19/10/2001	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
142	Y Dược	Điều dưỡng K20	20309105	Ksor H' Phio	29/12/2002	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
143	Y Dược	Điều dưỡng K2024	24309054	Trịnh Thị Triệu Vy	05/03/2006	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
144	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309021	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	15/11/2003	Xêđăng	DTTS, vùng ĐBKK	70
145	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309026	H' Mần Phôk	14/03/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
146	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309070	La Đức Phong	09/03/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
147	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309074	Rah Lan H' Tan	29/06/2003	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
148	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309003	H' Diêm	27/09/2004	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
149	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309022	Vùi Thị Thu Ngân	03/07/2004	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
150	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309041	A Lê H' Trúc	21/03/2004	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
151	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309005	K' Thị Đoan	18/06/2005	Cơ ho	DTTS, vùng ĐBKK	70

152	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309008	Hoàng Thị Thu Hằng	08/03/2005	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
153	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309031	H' Rin Niê	15/02/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
154	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309056	H Biê Bkrông	23/09/2005	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
155	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309060	H Hạnh Kbin	02/09/2005	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
156	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K20	20311027	Ksor H' Nhim	16/05/2001	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
157	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K22	22311016	Rmah H' Kiêm	23/08/2004	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
158	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311007	Lương Thị Điệp	16/12/2005	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
159	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311011	Đinh Công Hoán	25/10/2003	Bana	DTTS, vùng ĐBKK	70
160	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311014	Rmah H' Hya	01/09/2005	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
161	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311015	Y Luật - Kbin	25/04/2004	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
162	Y Dược	Y khoa K19 A3	19307138	Lò Thị Trúc Ly	18/03/2001	Mạ	DTTS, vùng ĐBKK	70
163	Y Dược	Y khoa K19 A5	19307235	Vũ Đức Thiện	31/01/2001	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
164	Y Dược	Y khoa K19B	19307297	H Oanh Du	26/11/2000	Mông	DTTS, vùng ĐBKK	70
165	Y Dược	Y khoa K19B	19307302	Nông Xuân Hoài	18/12/2000	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
166	Y Dược	Y khoa K19B	19307310	H' Uyên Knul	01/01/2000	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
167	Y Dược	Y khoa K19B	19307315	Dương Lý Linh Nga	04/12/2000	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
168	Y Dược	Y khoa K19B	19307323	Phùng Yến Nhi	03/03/2000	Khmer	DTTS, vùng ĐBKK	70
169	Y Dược	Y khoa K19B	19307326	Quảng Thị Quỳnh Như	01/01/2000	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
170	Y Dược	Y khoa K19B	19307334	Quảng Nữ Anh Thư	25/10/2000	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
171	Y Dược	Y khoa K2024A	24307028	Y - Dut	29/04/2006	M'ông	DTTS, vùng ĐBKK	70
172	Y Dược	Y khoa K2024A	24307065	Tài Ngọc Gia Hân	03/12/2006	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
173	Y Dược	Y khoa K2024B	24307086	Mông Thị Hường	25/11/2006	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
174	Y Dược	Y khoa K2024B	24307087	Neáng Bond Ly Ka	16/04/2005	Khmer	DTTS, vùng ĐBKK	70
175	Y Dược	Y khoa K2024B	24307124	Kpă H' Muin	15/06/2005	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
176	Y Dược	Y khoa K2024B	24307135	Chau Đào Kim Ngọc	30/01/2003	Khmer	DTTS, vùng ĐBKK	70
177	Y Dược	Y khoa K2024B	24307161	Vũ Thị Hà Phú	06/03/2006	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
178	Y Dược	Y khoa K2024C	24307206	Báo Văn Tình	13/01/2006	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
179	Y Dược	Y khoa K2024C	24307242	Nông Thị Minh Vân	03/10/2005	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
180	Y Dược	Y khoa K20A	20307011	Thạch Thị Xuân Hồng	16/04/2002	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
181	Y Dược	Y khoa K20A	20307268	Nại Thị Thùy Dương	16/04/2001	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
182	Y Dược	Y khoa K20A	20307270	Bùi Anh Giáp	07/09/2001	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
183	Y Dược	Y khoa K20A	20307276	Kpă Hiêng	08/02/2000	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
184	Y Dược	Y khoa K20A	20307279	Ka Juên	26/02/2001	Cơ ho	DTTS, vùng ĐBKK	70
185	Y Dược	Y khoa K20A	20307280	Rơ Chom Khôi	11/09/2000	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
186	Y Dược	Y khoa K20A	20307281	Ksor Khuyết	04/07/2001	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
187	Y Dược	Y khoa K20B	20307118	Chèo Trần Phương Linh	24/12/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
188	Y Dược	Y khoa K20C	20307151	Sơn Thị Tuyết Ngân	15/10/2001	Khmer	DTTS, vùng ĐBKK	70
189	Y Dược	Y khoa K20C	20307154	Lý Chung Nghĩa	19/01/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
190	Y Dược	Y khoa K20C	20307185	Vi Thị Tắm	17/03/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
191	Y Dược	Y khoa K20C	20307288	Kiều Hoàng Nhật	24/06/2001	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70

192	Y Dược	Y khoa K20C	20307296	Mùa A Thi	15/05/2000	Mông	DTTS, vùng ĐBKK	70
193	Y Dược	Y khoa K20D	20307229	Kiều Thảo Uyên	25/07/2001	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
194	Y Dược	Y khoa K20D	20307299	Sử Thị Ngọc Như Thừa	18/08/2000	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
195	Y Dược	Y khoa K20D	20307305	Đàng Xuân Win	20/11/2001	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
196	Y Dược	Y khoa K21A	21307035	Đàm Trung Anh	01/10/2003	Thái	DTTS, vùng ĐBKK	70
197	Y Dược	Y khoa K21A	21307262	Hoàng Thị Diệu My	12/05/2002	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
198	Y Dược	Y khoa K21B	21307265	Nay Mỹ Thạch	26/03/2002	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
199	Y Dược	Y khoa K21C	21307216	Thành Ngọc Huyền Trâm	03/10/2003	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
200	Y Dược	Y khoa K21D	21307271	Danh Bùi Như Ý	09/04/2002	Chăm	DTTS, vùng ĐBKK	70
201	Y Dược	Y Khoa K22A	22307029	Nông Thị Ánh Đào	17/07/2004	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
202	Y Dược	Y Khoa K22A	22307043	Trương Bích Hạnh	23/10/2004	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
203	Y Dược	Y Khoa K22A	22307045	Nông Thị Thu Hiền	29/03/2004	Tày	DTTS, vùng ĐBKK	70
204	Y Dược	Y Khoa K22A	22307060	Nay Khang	30/03/2002	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
205	Y Dược	Y Khoa K22A	22307069	H' Ngăn Knul	01/09/2003	Êđê	DTTS, vùng ĐBKK	70
206	Y Dược	Y Khoa K22B	22307084	Hà Thị Luyến	23/06/2004	Mường	DTTS, vùng ĐBKK	70
207	Y Dược	Y Khoa K22C	22307146	Chau Qui Sa	19/03/2003	Khmer	DTTS, vùng ĐBKK	70
208	Y Dược	Y Khoa K22C	22307172	Y Tho Pang Ting	01/12/2004	M'Nông	DTTS, vùng ĐBKK	70
209	Y Dược	Y khoa K23A	23307017	Lò Seo Chinh	11/07/2005	M'Nông	DTTS, vùng ĐBKK	70
210	Y Dược	Y khoa K23A	23307024	Mang Quốc Duy	19/12/2005	Ngái	DTTS, vùng ĐBKK	70
211	Y Dược	Y khoa K23B	23307079	Điêu Kùn	25/05/2005	M'Nông	DTTS, vùng ĐBKK	70
212	Y Dược	Y khoa K23B	23307091	Danh Bùi Công Luận	20/01/2004	Khmer	DTTS, vùng ĐBKK	70
213	Y Dược	Y khoa K23B	23307095	Lưu Thị Trúc Ly	31/08/2004	Nùng	DTTS, vùng ĐBKK	70
214	Y Dược	Y khoa K23B	23307126	Hoàng Thị Kim Oanh	25/10/2005	Mường	DTTS, vùng ĐBKK	70
215	Y Dược	Y khoa K23C	23307189	Ksor H' Trăm	06/12/2004	Gia rai	DTTS, vùng ĐBKK	70
216	Chăn nuôi Thú y	Chăn nuôi Thú Y K24	24304017	Y SmithS	18/08/2006	M'Nông	DTTS, HNCN	100
217	Chăn nuôi Thú y	Chăn nuôi-Thú y K20	20304014	Nguyễn Thị Phương	27/07/2002	Kinh	Con Thương binh	100
218	Chăn nuôi Thú y	Chăn nuôi-Thú y K23	23304010	Nay Vi	27/12/2005	Gia rai	DTTS, HNCN	100
219	Chăn nuôi Thú y	Thú y K2024A	24305029	Nguyễn Thị Phúc Dương	19/10/2006	Kinh	Khuyết tật	100
220	Chăn nuôi Thú y	Thú y K2024A	24305040	Nguyễn Lê Ngọc Hà	01/10/2006	Kinh	Mô côi	100
221	Chăn nuôi Thú y	Thú y K2024A	24305090	Rmah H' Nany	16/07/2006	Gia rai	DTTS, HNCN	100
222	Chăn nuôi Thú y	Thú y K2024B	24305098	Tồn Lư Thanh Nhã	31/10/2006	Chăm	DTTS, HNCN	100
223	Chăn nuôi Thú y	Thú y K20A	20305171	Đào Văn Sơn	02/09/2001	HMông	DTTS, HNCN	100
224	Chăn nuôi Thú y	Thú y K20B	20305210	Roô Khanh	04/05/2002	Gia rai	DTTS, HNCN	100
225	Chăn nuôi Thú y	Thú y K21A	21305016	Vi Thị Dung	13/02/2001	Nùng	DTTS, HNCN	100
226	Chăn nuôi Thú y	Thú y K21A	21305328	Rơ Mah Thu	02/10/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
227	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22A	22305009	Siu H' Danh	27/08/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
228	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22A	22305173	Bế Văn Trường	20/01/2003	Tày	DTTS, HNCN	100
229	Chăn nuôi Thú y	Thú y K22B	22305073	Phạm Hồng Phúc	22/08/2004	Kinh	Mô côi	100
230	Chăn nuôi Thú y	Thú y K23A	23305016	Nay Cơ	13/11/2005	Gia rai	DTTS, HNCN	100
231	Chăn nuôi Thú y	Thú y K23A	23305150	Y Shiong Byă	18/06/2005	Êđê	DTTS, HNCN	100

232	Kinh tế	Kế toán K2024	24403017	Ksor H' Buer	20/03/2006	Gia rai	Mồ côi	100
233	Kinh tế	Kế toán K2024	24403134	Dùng Thị Nhật Triệu	22/10/2006	Nùng	DTTS, HNCN	100
234	Kinh tế	Kế toán K23	23403092	Ninh Thanh Tâm	28/06/2005	Hoa	DTTS, HNCN	100
235	Kinh tế	Kế toán-Kiểm toán K2024	24403145	Nông Thị Bích Vân	05/01/2005	Tày	DTTS, HNCN	100
236	Kinh tế	Kế toán-Kiểm toán K22	22403054	Đỗ Thị Trúc Linh	10/01/2004	Kinh	Mồ côi	100
237	Kinh tế	Kế toán-Kiểm toán K23	23403037	Vi Thị Hồng	27/06/2004	Thái	DTTS, HNCN	100
238	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K20	20412032	Nguyễn Hoàng Mai Phương	08/02/2000	Kinh	Con Thương binh	100
239	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K2024	24412020	Nông Thị Mỹ Hạnh	22/08/2006	Nùng	DTTS, HNCN	100
240	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K2024	24412044	Đào Thị Nguyệt	15/04/2005	Kinh	Khuyết tật	100
241	Kinh tế	Kinh doanh thương mại K22	22412055	Đậu Thị Tuyết Trinh	02/01/2004	Kinh	Khuyết tật	100
242	Kinh tế	Kinh tế K18	18410047	Vũ Thị Nga	06/01/2000	Kinh	Con Thương binh	100
243	Kinh tế	Kinh tế K2024A	24410012	Trần Thiên Bảo	18/12/2006	Kinh	Mồ côi	100
244	Kinh tế	Kinh tế K2024B	24410134	H - Hằng - Triết	18/11/2004	M'ông	DTTS, HNCN	100
245	Kinh tế	Kinh tế K23	23410097	Trần Thanh Toàn	01/01/2005	Kinh	Mồ côi	100
246	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401005	H Jel Buôn Dap	11/11/2005	M'ông	DTTS, HNCN	100
247	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401025	H - Mây Mlô	14/07/2005	Êđê	DTTS, HNCN	100
248	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K2024	24401040	Dương Văn Thành	15/06/2006	HMông	DTTS, HNCN	100
249	Kinh tế	Kinh tế nông nghiệp K21	21401009	Đinh Văn Trúc	24/02/2003	Bana	DTTS, HNCN	100
250	Kinh tế	Kinh tế phát triển K21	21413083	H Thu Mlô	22/02/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
251	Kinh tế	Kinh tế phát triển K22	22413006	Giàng Thị Gầu	11/08/2004	Mông	DTTS, HNCN	100
252	Kinh tế	Kinh tế phát triển K22	22413030	Hoàng Quốc Huy	01/02/2002	Nùng	DTTS, HNCN	100
253	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024A	24402014	Hà Quốc Bảo	04/05/2006	Thái	DTTS, HNCN	100
254	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024A	24402020	Thào Mí Chá	07/06/2006	HMông	DTTS, HNCN	100
255	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024A	24402023	Vương Thị Chi	21/02/2006	Nùng	DTTS, HNCN	100
256	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024B	24402094	Trần Thị Thanh Nguyệt	06/05/2006	Thái	DTTS, HNCN	100
257	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024B	24402107	Triệu Thị Phương	08/08/2005	Kinh	DTTS, HNCN	100
258	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K2024B	24402118	Lê Thị Thanh	04/05/2006	Mường	DTTS, HNCN	100
259	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K21B	21402265	Võ Hoàng Tuyết Nhi	08/08/2003	Kinh	Mồ côi	100
260	Kinh tế	Quản trị kinh doanh K22A	22402052	Đỗ Thị Nhã Linh	10/01/2004	Kinh	Mồ côi	100
261	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K2024	24406050	Hứa Quỳnh Như	12/04/2006	Nùng	DTTS, HNCN	100
262	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K2024	24406062	Thắm Thế Thượng	26/10/2006	Tày	DTTS, HNCN	100
263	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K23	23406001	H' Diên - Adrông	08/02/2005	Êđê	Mồ côi	100
264	Kinh tế	Tài chính-Ngân hàng K23	23406065	H Huê B'krông	17/03/2005	Êđê	DTTS, HNCN	100
265	KHTN&CN	Công nghệ sinh học K21	21313030	Trương Thị Ánh Nguyệt	03/10/2002	Chăm	DTTS, HNCN	100
266	KHTN&CN	Công nghệ sinh học y dược K2024	24314032	Nông Thị Quỳnh	14/03/2004	Tày	DTTS, HNCN	100
267	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K2024	24103048	Bùi Sỹ Liêm	13/10/2005	Kinh	Nhiễm chất độc hóa học	100
268	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K2024	24103070	Ksor Vòng Quý Phong	16/10/2006	Gia rai	Khuyết tật	100
269	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K22	22103046	Lý Hồng Nhân	06/10/2004	Nùng	DTTS, HNCN	100
270	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K22	22103057	Nay Sanh	31/01/2003	Gia rai	Khuyết tật	100
271	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K22	22103069	Trần Thị Kim Thoa	23/06/2004	Kinh	Con Thương binh	100

272	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103006	Mùa Thị Bồng	03/09/2003	HMông	DTTS, HNCN	100
273	KHTN&CN	Công nghệ thông tin K23	23103029	Y Kuin Kbuôr	17/06/2004	Êđê	DTTS, HNCN	100
274	Lý luận chính trị	Giáo dục chính trị K23	23604007	Bàn Mùi Lai	05/01/2005	Dao	DTTS, HNCN	100
275	Lý luận chính trị	Triết học K2024	24608006	H' Goa - Du	10/01/2004	M'ông	DTTS, HNCN	100
276	Lý luận chính trị	Triết học K21	21608008	H Nuôr Ktul	07/04/2003	M'ông	DTTS, HNCN	100
277	Lý luận chính trị	Triết học K21	21608049	H' Suyu Mlô	28/10/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
278	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302032	Nguyễn Trung Kiên	10/07/2006	Kinh	Khuyết tật	100
279	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302059	Lương Anh Tiến	30/09/2004	Mường	DTTS, HNCN	100
280	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K2024	24302082	Y Nao Hiu Kriêng	15/05/2006	Êđê	DTTS, HNCN	100
281	Nông lâm	Bảo vệ thực vật K22	22302007	Nguyễn Bảo Duy	21/01/2004	Kinh	Khuyết tật	100
282	Nông lâm	Công nghệ thực phẩm K22	22411011	Trần Thị Tới	08/06/2004	Nùng	DTTS, HNCN	100
283	Nông lâm	Công nghệ thực phẩm K23	23411010	Nguyễn Lê Minh Hoàng	11/06/2005	Kinh	Mồ côi	100
284	Nông lâm	Công nghệ thực phẩm K23	23411039	Hoàng Thị Bạch Tuyết	04/01/2005	Nùng	DTTS, HNCN	100
285	Nông lâm	Khoa học cây trồng K20	20303013	Lê Mo Mi	09/11/1999	Chăm	Con Bệnh binh	100
286	Nông lâm	Khoa học cây trồng K2024	24303019	Nông Bằng Sơn	09/01/2006	Tày	DTTS, HNCN	100
287	Nông lâm	Lâm sinh K2024	24306003	YThi KMăn	25/05/2005	Mông	DTTS, HNCN	100
288	Nông lâm	Lâm sinh K2024	24306021	K' Mik	18/11/2004	Mạ	DTTS, HNCN	100
289	Nông lâm	Lâm sinh K2024	24306027	Vàng Thị Rùa	19/08/2005	HMông	DTTS, HNCN	100
290	Nông lâm	Lâm sinh K22	22306004	A Hào	27/11/2004	Xêđăng	DTTS, HNCN	100
291	Nông lâm	Lâm sinh K22	22306005	Vàng Văn Tiến	12/08/2002	Mông	DTTS, HNCN	100
292	Nông lâm	Lâm sinh K22	22306010	Sùng A Vàng	02/01/2004	Mông	DTTS, HNCN	100
293	Nông lâm	Quản lý đất đai K22	22404027	Y Jiê Hun Bkrông	28/03/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
294	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K2024A	24702055	Lâm Cẩm Diệu Hiền	01/01/2006	Thái	DTTS, HNCN	100
295	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K2024A	24702075	H' Li Zen Ktül	24/03/2006	Êđê	DTTS, HNCN	100
296	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K2024B	24702204	Nông Thị Hải Yến	05/09/2005	Kinh	DTTS, HNCN	100
297	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21B	21702176	Nguyễn Như Anh	03/06/2003	Kinh	Con Thương binh	100
298	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21B	21702211	Lục Mĩ Huệ	27/02/2003	Tày	DTTS, HNCN	100
299	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K21B	21702304	Vương	25/06/2003	Xêđăng	DTTS, HNCN	100
300	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22A	22702007	H Thương Ayün	26/02/2004	Êđê	DTTS, HNCN	100
301	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22A	22702045	H - Thoa Buôn Krông	26/07/2004	Êđê	DTTS, HNCN	100
302	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22A	22702190	Hoàng Thị Ngọc Ánh	28/08/2003	Tày	DTTS, HNCN	100
303	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K22B	22702142	Mông Thị Vân	28/02/2004	Nùng	DTTS, HNCN	100
304	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702075	H' Roai - Kuan	10/01/2005	M'ông	DTTS, HNCN	100
305	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702175	H' Jô Lek Hđơk	28/12/2005	Êđê	DTTS, HNCN	100
306	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23B	23702120	H Văn Niê	06/12/2004	Êđê	DTTS, HNCN	100
307	Sư phạm	GD tiểu học-Tiếng Jrai K22	22902002	Li Xa Ber	20/03/2004	Xêđăng	DTTS, HNCN	100
308	Sư phạm	Giáo dục mầm non K22	22903051	Ksor H' Nhuên	10/01/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
309	Sư phạm	Giáo dục mầm non K23	23903066	Rcơm H' Phôn	10/04/2005	Gia rai	DTTS, HNCN	100
310	Sư phạm	Giáo dục tiểu học K21	21901069	H Tinh Byă	10/10/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
311	Sư phạm	Giáo dục tiểu học K22	22901058	Rô Xi	05/09/2004	Xêđăng	DTTS, HNCN	100

312	Sư phạm	Giáo dục thể chất K21	21605020	Y Na Hmők	07/08/2002	M' nông	DTTS, HNCN	100
313	Sư phạm	Sư phạm Ngữ văn K21	21601004	H'ly Liêng	25/02/2003	M' nông	DTTS, HNCN	100
314	Sư phạm	Tâm lý học giáo dục K2024	24904028	Lý Thị Sao	17/01/2006	Nùng	DTTS, HNCN	100
315	Sư phạm	Tâm lý học giáo dục K2024	24904030	Cao Xuân Tiến	19/09/2006	Kinh	Khuyết tật	100
316	Sư phạm	Văn học K2024	24607033	H' Ly-Xa Mlô	02/04/2006	Êđê	DTTS, HNCN	100
317	Sư phạm	Văn học K2024	24607037	Vương Thị Ngoan	22/02/2006	Nùng	DTTS, HNCN	100
318	Sư phạm	Văn học K2024	24607044	H-Điêu Niê	21/07/2006	Êđê	DTTS, HNCN	100
319	Sư phạm	Văn học K22	22607041	H Kuc Êban	17/03/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
320	Sư phạm	Văn học K23	23607008	H Săn Dra Byă	20/10/2005	Êđê	DTTS, HNCN	100
321	Sư phạm	Văn học K23	23607069	Liêng Jrang K Hương	24/04/2005	Cil	DTTS, HNCN	100
322	Y Dược	Điều dưỡng K2024	24309030	Nguyễn Hồng Ngọc	12/12/2006	Kinh	Con Thương binh	100
323	Y Dược	Điều dưỡng K2024	24309035	H Ứn Niê	15/07/2006	Êđê	DTTS, HNCN	100
324	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309053	Rmah Lai	16/02/2001	Gia rai	DTTS, HNCN	100
325	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309056	K' Luệ	15/10/2003	Cơ ho	DTTS, HNCN	100
326	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309061	Rahlan H' Muanh	02/03/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
327	Y Dược	Điều dưỡng K21	21309087	H' Uy Mlô	01/03/2002	Êđê	DTTS, HNCN	100
328	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309009	Rơ Châm Hik	21/10/2004	Gia rai	DTTS, HNCN	100
329	Y Dược	Điều dưỡng K22	22309027	H' - Đam - Niê	20/01/2004	Êđê	DTTS, HNCN	100
330	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309032	H' Trinh Niê	14/09/2005	Êđê	Khuyết tật	100
331	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309044	Mông A Thiên	22/02/2005	Nùng	DTTS, HNCN	100
332	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309058	Đỗ Thị Hoa	05/03/2005	Mường	DTTS, HNCN	100
333	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309066	Siu H' Lan	30/03/2005	Gia rai	DTTS, HNCN	100
334	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K21	21311006	Hoàng Thị Kiều Giang	22/10/2001	Kinh	Con Thương binh	100
335	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K21	21311025	Nguyễn Mai Trường Phước	08/04/2003	Kinh	Con người hưởng CS như Thương binh	100
336	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K21	21311083	H Rinh Niê	06/04/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
337	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K21	21311084	Thập Thị Hồng Oanh	02/08/2002	Chăm	DTTS, HNCN	100
338	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K22	22311025	H Siêng Niê	08/05/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
339	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311008	H - Anh Hà Êban	09/06/2005	Êđê	DTTS, HNCN	100
340	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311019	Rơ Ô - H' Leh	04/02/2005	Gia rai	DTTS, HNCN	100
341	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311048	Kpă H Trâm	19/03/2005	Gia rai	DTTS, HNCN	100
342	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm y học K23	23311055	Đinh Thị Vân	01/07/2002	Bana	DTTS, HNCN	100
343	Y Dược	Y khoa K19 A2	19307071	Phạm Thị Thu Hoài	22/02/2001	Kinh	Con Thương binh	100
344	Y Dược	Y khoa K19 A2	19307108	Ksor Lan	22/12/2000	Gia rai	Con Thương binh	100
345	Y Dược	Y khoa K19 A2	19307111	Hán Ngọc Lên	01/05/2001	Chăm	DTTS, HNCN	100
346	Y Dược	Y khoa K19 A5	19307255	Lục Thị Minh Trang	19/05/2001	Tày	DTTS, HNCN	100
347	Y Dược	Y khoa K19B	19307295	Rmah Anh	04/06/2000	Gia rai	DTTS, HNCN	100
348	Y Dược	Y khoa K2024C	24307183	Lương Thị Phương Thảo	12/03/2006	Thái	DTTS, HNCN	100
349	Y Dược	Y khoa K20A	20307009	Hà Thị Xuân Hào	19/01/1999	Kinh	DTTS, HNCN	100
350	Y Dược	Y khoa K20A	20307014	Hải Nữ Hoàng Linh	01/09/2002	Kinh	DTTS, HNCN	100

351	Y Dược	Y khoa K20A	20307020	Từ Thị Mẫn Nghi	21/04/2002	Kinh	DTTS, HNCN	100
352	Y Dược	Y khoa K20A	20307025	Kpã H' Ruynh	02/04/2002	Gia rai	DTTS, HNCN	100
353	Y Dược	Y khoa K20A	20307275	Ka' Hậu	13/03/2001	Cơ ho	DTTS, HNCN	100
354	Y Dược	Y khoa K20A	20307271	R' Ô Yo Han	16/03/2001	Gia rai	DTTS, HNCN	100
355	Y Dược	Y khoa K20B	20307106	Tô Anh Khoa	19/02/2002	Kinh	Con Thương binh	100
356	Y Dược	Y khoa K20B	20307113	Rơ Ô H' Kim	16/07/2002	Gia rai	DTTS, HNCN	100
357	Y Dược	Y khoa K20C	20307194	Nông Thị Thu Thảo	23/01/2002	Tày	DTTS, HNCN	100
358	Y Dược	Y khoa K20C	20307290	H Bul Niê	23/10/2001	Êđê	DTTS, HNCN	100
359	Y Dược	Y khoa K20C	20307291	Ka Să My Ran	02/10/2001	Si la	DTTS, HNCN	100
360	Y Dược	Y khoa K20C	20307294	Phú Nữ Ai Thanh	25/05/2001	Chăm	DTTS, HNCN	100
361	Y Dược	Y khoa K20C	20307297	Ksor Thoang	18/07/1999	Gia rai	DTTS, HNCN	100
362	Y Dược	Y khoa K21A	21307049	H' Nut Byă	24/03/2002	Êđê	DTTS, HNCN	100
363	Y Dược	Y khoa K21A	21307261	Nay Khuyn	07/04/2002	Gia rai	DTTS, HNCN	100
364	Y Dược	Y khoa K21B	21307100	Trương Quang Huy	29/05/2003	Kinh	Con Thương binh	100
365	Y Dược	Y khoa K21B	21307131	Trương Hoài Nam	27/09/1993	Kinh	Con Thương binh	100
366	Y Dược	Y khoa K21B	21307266	Đinh Y Thiếc	13/02/2001	Bana	DTTS, HNCN	100
367	Y Dược	Y khoa K21C	21307178	Sùng A Thái	05/10/2001	Mông	DTTS, HNCN	100
368	Y Dược	Y khoa K21C	21307269	K' Vân	26/07/2002	Cơ ho	DTTS, HNCN	100
369	Y Dược	Y khoa K21D	21307084	Lê Thanh Hoài	02/11/2001	Chăm	DTTS, HNCN	100
370	Y Dược	Y khoa K21D	21307149	Rmah H' Nhuin	16/02/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
371	Y Dược	Y khoa K21D	21307156	H Thâm Niê	06/01/2003	Êđê	DTTS, HNCN	100
372	Y Dược	Y Khoa K22A	22307014	Châu Quốc Cường	25/12/2004	Chăm	DTTS, HNCN	100
373	Y Dược	Y Khoa K22A	22307017	Đinh Thị Thu Diệu	19/11/2004	Chút	DTTS rất ít người	100
374	Y Dược	Y Khoa K22A	22307027	Trương Mỹ Ngọc Dự	10/03/2004	Chăm	DTTS, HNCN	100
375	Y Dược	Y Khoa K22A	22307070	Ksor Kroang	20/05/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
376	Y Dược	Y Khoa K22C	22307151	R'com Than	14/04/2003	Gia rai	DTTS, HNCN	100
377	Y Dược	Y Khoa K22C	22307161	Văn Hiếu Phương Thi	01/10/2003	Chăm	DTTS, HNCN	100
378	Y Dược	Y Khoa K22C	22307175	Châu Thị Khánh Trắng	27/06/2004	Chăm	DTTS, HNCN	100
379	Y Dược	Y Khoa K22C	22307196	Ksor H' Sơ Un	20/07/2004	Gia rai	DTTS, HNCN	100
380	Y Dược	Y khoa K23A	23307050	Nguyễn Lương Minh Hậu	18/07/2005	Kinh	Khuyết tật	100
381	Y Dược	Y khoa K23A	23307060	La Thị Minh Huệ	06/06/2004	Tày	DTTS, HNCN	100
382	Y Dược	Y khoa K23B	23307134	Văn Hiếu Gia Phong	22/07/2005	Chăm	DTTS, HNCN	100
383	Y Dược	Y khoa K23C	23307155	Dương Đức Trường Sơn	31/05/2005	Kinh	Khuyết tật	100
384	Y Dược	Y khoa K23C	23307157	Tâm	01/01/2005	Bana	DTTS, HNCN	100

Danh sách có: 384 sinh viên. 

